

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-PT

Ngày 19/01/2025

V/v “*Tranh chấp chia tài sản sau
khi ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khánh Vân.

Các Thẩm phán: 1. Ông Đặng Phi Long.

2. Ông Chu Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2024/TLPT-HNGĐ ngày 25/10/2024 về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn*”. Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 42/2024/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2111/2024/QĐ-PT ngày 12/12/2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 3046/2024/QĐ-PT ngày 30/12/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Khổng Văn K.

Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai (có mặt).

Bị đơn: Chị Hoàng Thị Bích M.

Địa chỉ: Thôn T 2, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Phạm Trọng Đ.

Địa chỉ: Thôn T 1, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai (có mặt).

- Anh Khổng Hoàng H.

Địa chỉ: Thôn T 2, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn chị Hoàng Thị Bích M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Không Văn K trình bày:

Anh và chị Hoàng Thị Bích M kết hôn từ năm 2001, đã ly hôn theo quyết định số 110/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2021 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai. Khi ly hôn anh và chị M chưa giải quyết chia tài sản chung. Đến nay anh, chị không thoả thuận được về việc chia tài sản chung nên anh đề nghị Toà án giải quyết chia tài sản chung sau khi ly hôn gồm:

- Thừa đất Lô 112 đường Võ Thị Sáu, khu tái định cư P 1, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai, diện tích 92m² đất ở đô thị, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt: GCNQSDĐ) cấp ngày 07/9/2020 đứng tên Hoàng Thị Bích M. Trên đất có 01 nhà xây cấp IV hiện chị M đang quản lý sử dụng.

Về nguồn gốc là của anh và chị M nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn C bà Bùi Thị H vào tháng 6 năm 2025 với giá 340.000.000đ. Sau khi nhận chuyển nhượng anh và chị M nhờ bố mẹ đẻ chị M là ông Hoàng Kim N bà Trần Thị L đứng tên hộ. Vì vậy thửa đất được cấp GCNQSDĐ đứng tên ông N bà L. Đến năm 2018 bà L chết, ông N trả lại đất cho anh chị nhưng để đơn giản thủ tục và không mất phí nên đã làm thủ tục thừa kế sang chị M, do thời điểm đó anh và chị M vẫn chung sống nên anh không ý kiến gì.

- Thừa đất số 418 tờ bản đồ P3-13 diện tích 90m² đất rừng sản xuất, tại Thôn G, xã X, huyện B. Đất đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ ngày 11/8/2004 đứng tên hộ bà Hoàng Thị Bích M và ông Không Văn K. Trên đất không có tài sản gì.

- Số tiền 260.000.000đ chuyển nhượng thửa đất số 327 tờ bản đồ P1-01 tại Thôn T 1, xã S, huyện B năm 2022 hiện do chị M cầm.

Anh đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi tài sản được tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân.

Bị đơn chị Hoàng Thị Bích M trình bày:

Chị công nhận sau khi ly hôn với anh K, tài sản chung của anh chị chưa chia là đúng. Đối với yêu cầu khởi kiện của anh K, chị M công nhận thửa đất số 418 tờ bản đồ P3-13 diện tích 90m² đất rừng sản xuất, địa chỉ: Thôn G, xã X là tài sản chung của anh chị. Đối với Thửa đất Lô 112 đường Võ Thị Sáu, khu tái định cư P 1, thị trấn P là tài sản riêng của chị. Vì tiền mua đất là của anh Hoàng Kim Tuyến (em trai chị M) đưa tiền nhờ chị mua cho bố mẹ đẻ là ông Hoàng Kim N bà Trần Thị L. Chị đã mua mảnh đất của ông Nguyễn Văn C bà Bùi Thị H năm 2015 với giá 340.000.000đ. Hai bên đã làm thủ tục chuyển nhượng và thửa đất được cấp GCNQSDĐ đứng tên ông N bà L. Sau khi nhận chuyển nhượng chị tự đứng ra làm 01 nhà cấp IV 01 tầng lợp tôn trần gỗ cho ông N bà L ở. Năm 2018 bà L chết và các anh em trong gia đình thống nhất thừa kế lại cho chị thửa đất và tài sản trên đất. Hiện thửa đất đã được cấp GCNQSDĐ đứng riêng tên chị nên chị không đồng ý chia. Đối với số tiền 260.000.000đ, tháng

3/2022 chị M chuyển nhượng thửa đất 327 tại Thôn T 1, xã S cho chị Nguyễn Thị N, chị M xác nhận chị là người cầm tiền nhưng chị đã sử dụng vào mục nuôi dưỡng con cái nên chị không đồng ý chia.

Chị M cho rằng còn một số tài sản chung khác anh K không yêu cầu chia nên chị đã có đơn phản tố. Ngày 19/01/2024 Toà án đã thụ lý yêu cầu phản tố của chị M yêu cầu Toà án giải quyết chia tài sản chung của chị với anh K gồm:

- Thửa đất số 325, tờ bản đồ số P1-01 tại Thôn T 1, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai diện tích 350m², GCNQSDĐ đứng tên Khổng Văn K. Nguồn gốc đất là của bố mẹ đẻ anh K là ông Khổng Văn N bà Ngô Thị L, khoảng năm 2002 ông Nhân bà L tặng cho chị và anh K một thửa 10m mặt đường sâu vào khoảng 25-30m, và chị mua thêm của ông Nhân bà L thêm một thửa 10m mặt đường với giá 10.000.000đ. Anh chị đã làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, hai thửa đất được định danh là thửa 327 và 325, trong đó thửa 327 chị đã chuyển nhượng cho người khác. Thửa đất 325 sau khi ly hôn anh K đã tự ý làm thủ tục chuyển nhượng cho anh Khổng Văn K1, chị M có ý kiến phản đối nên anh K1 đã làm thủ tục chuyển nhượng lại thửa đất cho anh K. Khi đề nghị sao chụp hồ sơ bên Văn phòng đăng ký đất đai chị được xem hợp đồng chuyển nhượng đất cho anh K1 ngày 30/11/2021 tại UBND xã S thì xác định chữ ký và chữ viết "Hoàng Thị Bích M" và "Khổng Hoàng H" không phải là chữ ký chữ viết của chị và cháu H.

- Lô tái định cư số 122 tại tổ dân phố P 1, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai do anh Khổng Văn K nhận chuyển nhượng từ anh Nguyễn Văn Đ(địa chỉ: xã Gia, huyện B, tỉnh Lào Cai) vào năm 2011 với giá 257.000.000đ. Quá trình nhận chuyển nhượng anh K không cho chị biết, sau đó anh K chuyển nhượng lại cho người khác cầm tiền sử dụng chị cũng không biết. Nay chị đề nghị anh K phải trả cho chị tiền chuyển nhượng thửa đất là 809.000.000đ.

- 01 ô tô hãng KIA biển kiểm soát: 24A-118.77 giấy đăng ký xe mang tên Khổng Văn K. Nguồn gốc tiền mua xe là của chị và anh K vay tiền ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện B khoảng hơn 400.000.000đ năm 2017. Ngoài ra anh K chuyển nhượng một mảnh đất khác đứng tên Nguyễn Thị L (là anh em nhà anh K đứng tên hộ mảnh đất tại Sơn Hà) với giá 520.000.000đ để góp vào mua xe.

- 01 bộ bàn ghế gỗ hiện anh K đang sử dụng.

- Về công nợ: Chị và anh K có vay nợ 200.000.000đ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh huyện B, sau khi ly hôn chị đã thanh toán số tiền 200.000.000đ cho Ngân hàng do đó chị đề nghị anh K phải có trách nhiệm thanh toán trả lại cho chị 100.000.000đ.

Đối với yêu cầu phản tố của chị M, anh K có ý kiến như sau:

+ Đối với yêu cầu chia Thửa đất số 325, tờ bản đồ số P1-01 tại Thôn T 1, xã S, huyện B: Bố mẹ đẻ anh K trước đây có một mảnh đất khoảng 50m mặt đường, sâu vào từ 25 đến 30m tại Thôn T 1, xã S. Năm 2002 bố mẹ anh K tách tặng cho riêng 4 người con trai mỗi người một mảnh đất liền nhau trong đó anh

được cho 10m mặt đường ở vị trí giáp đất của anh Không Văn M. Còn lại khoảng 10m mặt đường ở vị trí cuối cùng, anh và chị M mua lại của ông bà với giá 10.000.000đ. Sau khi làm thủ tục cấp GCNQSDĐ thì thửa số 325 là thửa bố mẹ để anh tách cho riêng anh nên anh không đồng ý chia.

+ Đối với Lô tái định cư số 122 tại tổ dân phố P 1, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai: Lô đất này có nguồn gốc là đất tái định cư cấp cho anh Lê Văn D, anh Dg không có nhu cầu sử dụng nên để lại cho anh V, sau đó anh V lại để lại cho anh Nguyễn Văn Đ. Năm 2011 anh K cùng chị Trần Thị H chung nhau tiền nhận chuyển nhượng thửa đất này với giá 257.000.000đ, trong đó anh K chỉ góp một phần nhỏ còn lại là của chị H, các giao dịch này các bên chỉ làm giấy tờ viết tay. Đến năm 2015 chị H và anh K chuyển nhượng lại thửa đất cho anh C chị Huệ với giá 320.000.000đ và các bên làm bằng thủ tục chuyển nhượng từ anh D sang cho anh C, chị H. Do anh K chỉ góp một phần nên chị Hằng đưa lại cho anh cả gốc và lãi là 80.000.000đ, số tiền này anh đã chi tiêu hết cho gia đình. Hiện nay thửa đất này không phải tài sản chung của anh và chị M nên anh không đồng ý chia.

+ Đối với 01 ô tô hãng KIA, biển kiểm soát: 24A-118.77 là tài sản riêng của anh. Nguồn gốc tiền mua xe như sau: Bố mẹ đẻ có mảnh đất tại Thôn T 2, xã S nhận chuyển nhượng từ ông bà Phương Sa, đến tháng 5/2001 khi anh kết hôn với chị M thì bố mẹ đẻ cho anh mảnh đất để sinh sống. Tháng 5/2010 anh bán mảnh đất và nhà trên đất được số tiền 230.000.000đ, sau đó dùng toàn bộ số tiền này nhận chuyển nhượng thửa đất 381 của anh chị Hường Dân. Đến năm 2019 anh chuyển nhượng thửa đất 381 cho ông Hoàng Kim N và lấy tiền để mua chiếc xe ô tô KIA. Do đó chiếc xe là tài sản riêng của anh và anh không đồng ý chia.

+ Đối với 01 bộ bàn ghế gỗ hiện anh đang sử dụng, anh nhất trí chia.

+ Đối với công nợ chung là 200.000.000đ vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện B, anh không đồng ý chia vì chị M là người cầm tiền chi tiêu riêng anh không được sử dụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Không Hoàng H, trình bày:

Trong thời gian sống cùng bố mẹ đẻ anh H không có công sức, đóng góp gì trong khối tài sản chung của bố mẹ. Đối với thửa đất số 325 tại Thôn T 1, xã S nay bố mẹ anh đề nghị chia thửa đất này, anh có một phần quyền lợi trong đó, ý kiến của anh là: Anh không có tranh chấp gì, không có nhu cầu sử dụng đất, đề nghị Tòa án giải quyết chia theo quy định của pháp luật. Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của thửa đất 325 chuyển nhượng cho ông Không Văn K ngày 30/11/2021, có chữ ký và chữ viết Không Hoàng H, anh xác nhận đây đúng là chữ ký và chữ viết của anh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Trọng Đ, trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 42 của anh Đ trước đây là của mẹ anh bà Nguyễn Thị T, đến năm 2014 bà T tặng cho anh Đ thửa 42. Trước khi tặng cho bà T đã

xác định ranh giới rõ ràng với hộ anh K chị M, có hàng rào ngăn cách và không có tranh chấp gì. Từ khi được tặng cho đất, anh vẫn sử dụng đất ổn định không có tranh chấp với anh K chị M. Đến nay phần diện tích 44,1m² chùng chéo không phải đất của anh và anh nhất trí để anh K chị M sử dụng đúng theo ranh giới đã có.

Ngày 15/3/2024, 19/3/2024 và 8/4/2024 Tòa án nhân dân huyện B tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản có tranh chấp, ngày 24/4/2024 tiến hành định giá tài sản, kết quả như sau:

Thửa đất Lô 112 đường Võ Thị Sáu diện tích 92m², trị giá: 414.000.000đ. Tài sản trên đất gồm 01 nhà hai tầng, trong đó: Tầng 01 có kết cấu khung chịu lực bê tông cốt thép, tường xây gạch chỉ trị giá: 322.639.578đ; tầng 02 kết cấu khung cột kèo thép, vách tường bao quanh bằng tấm nhựa trị giá: 214.601.625đ. Ngoài ra còn bán tầng 1 bên phải trị giá: 31.018.050đ; bán mái tầng 1 bên trái trị giá: 30.777.600đ; bán mái tôn thường phía trước nhà trị giá: 10.650.150đ.

Thửa đất Lô 122 khi tái định cư P 1, thị trấn P không có căn cứ để xem xét thẩm định và định giá.

Thửa đất 418 tờ bản đồ P3-13 tại thôn G, xã X diện tích thực tế còn lại là 80,6m², trên đất không có tài sản gì, trị giá: 20.000.000đ.

Thửa đất 325 tờ bản đồ P1-01 tại Thôn T 1, xã S diện tích thực tế 370,4m² trong đó có diện tích 44,1m² chùng chéo với thửa số 42 tờ bản đồ P1-01 đất của anh Phạm Trọng Đ. Trị giá: 24.719.200đ. Tài sản trên đất: Khối gạch xây trị giá: 973.041đ.

01 xe ô tô KIA màu trắng biển kiểm soát 24A-118.77 trị giá: 340.000.000đ

01 bộ bàn ghế gỗ hương Lào trị giá: 10.000.000đ.

Nguyên đơn anh K cho rằng kết quả định giá thửa đất số 112 đường Võ Thị Sáu là quá thấp không đúng so với giá thị trường. Anh đã đề nghị thực hiện định giá lại đối với thửa đất số 112 đường Võ Thị Sáu.

Tại Biên bản định giá tài sản ngày 23/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: Giá trị thửa đất số 112 đường võ Thị Sáu trị giá: 937.940.000đ.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 42/2024/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai, đã quyết định:

Căn cứ Điều 29, 33, 37, 59, 62 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1/ Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Khổng Văn K về chia tài sản chung sau khi ly hôn.

Chấp nhận một phần yêu cầu phân tố của chị Hoàng Thị Bích M về chia tài sản chung sau khi ly hôn.

1.1. Chia cho anh Khổng Văn K được sở hữu và sử dụng các tài sản sau:

+ Thửa đất 325 tờ bản đồ P1-01 diện tích thực tế theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ là 370,4m² (100m² đất ở nông thôn và 270,4m² đất trồng cây lâu năm), địa chỉ tại Thôn T 1, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DD 088 525 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 28/02/2022 đứng tên Khổng Văn K. Trị giá: 24.719.200đ.

+ 01 xe ô tô con nhãn hiệu KIA màu trắng, số loại CERATO, số khung 41A6JC145921, số máy G4FG-JH715909, năm sản xuất 2018, thể tích động cơ 1591cm³, biển số đăng ký 24A-118.77. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 027731 đứng tên Khổng Văn K. Trị giá: 340.000.000đ.

+ Bộ bàn ghế hương Lào gồm 01 ghế dài kích thước 2,1m x 0,85m; 02 ghế đơn mỗi ghế kích thước 0,85m x 0,85m; 01 bàn uống nước kích thước 1,26m x 0,65m. Trị giá: 10.000.000đ.

+ Tiền mặt: 80.000.000đ

+ Tiền chênh lệch tài sản do chị Hoàng Thị Bích M thanh toán: 540.209.156đ

Anh Khổng Văn K phải thanh toán cho anh Khổng Hoàng H số tiền 8.239.733đ.

Tổng giá trị tài sản anh K được hưởng là 986.688.623đ.

1.2. Chia cho chị Hoàng Thị Bích M được sở hữu và sử dụng các tài sản sau:

+ Thửa đất Lô số 112 đường Võ Thị Sáu, khu tái định cư tổ dân phố P 1, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai, diện tích 92m² đất ở đô thị. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CX259288 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 07/9/2020 đứng tên Hoàng Thị Bích M. Tài sản trên đất: Tầng 1 nhà xây cấp IV kết cấu khung chịu lực bê tông cốt thép, tường xây gạch chỉ 110, nền lát gạch hoa 40x40, diện tích 95,2m²; bán mái bên phải nhà kết cấu khung cột thép vuông diện tích 19,4m²; Bán mái tôn thường vì kèo sắt (giáp hành lang đường Võ Thị Sáu) diện tích: 22,1m². Tổng trị giá: 1.302.247.778đ.

+ Thửa đất số 418 tờ bản đồ P3-13 diện tích thực tế theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ là 80,6m² đất trồng rừng sản xuất tại thôn G, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành Đ568507 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai cấp ngày 11/8/2004 đứng tên bà Hoàng Thị Bích M và ông Khổng Văn K. Trị giá: 20.000.000đ

+ Tiền mặt: 204.650.000đ.

Chị Hoàng Thị Bích M phải trả cho anh Khổng Văn K tiền chênh lệch tài sản là 540.209.156đ

Tổng giá trị tài sản chị M được hưởng là 986.688.623đ.

1.3. Anh Khổng Hoàng H được hưởng tiền chênh lệch tài sản do anh Khổng Văn K thanh toán là 8.239.733đ.

2/ Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của chị Hoàng Thị Bích M về việc buộc anh Khổng Văn K phải hoàn trả số tiền 100.000.000đ nợ ngân hàng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 03/10/2024 và ngày 09/10/2024, bị đơn chị Hoàng Thị Bích M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 41/2024/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 41/2024/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn anh Khổng Văn K và bị đơn chị Hoàng Thị Bích M thống nhất thỏa thuận như sau:

- Về việc phân chia tài sản: Anh K và chị M nhất trí như bản án sơ thẩm.

- Về nghĩa vụ thanh toán: Anh Khổng Văn K và chị Hoàng Thị Bích M thống nhất thỏa thuận: Chị Hoàng Thị Bích M phải trả cho anh Khổng Văn K tiền chênh lệch tài sản là 350.000.000đ.

Chị Hoàng Thị Bích M thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận của chị và anh K tại phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 148; Điều 300; Khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng, án phí lệ phí Tòa án: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Hoàng Thị Bích M, sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 42/2024/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai về nghĩa vụ thanh toán: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, buộc chị Hoàng Thị Bích M phải trả cho anh Khổng Văn K tiền chênh lệch tài sản là 350.000.000đ (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ và yêu cầu của các bên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của Bị đơn chị Hoàng Thị Bích M có đầy đủ các nội dung theo quy định, nộp trong thời hạn luật định là hợp lệ.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn chị Hoàng Thị Bích M:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Khổng Văn K và chị Hoàng Thị Bích M.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm anh Khổng Văn K chị Hoàng Thị Bích M thống nhất xác định tài sản chung không tranh chấp bao gồm:

+ Thửa đất số 418 tờ bản đồ P3-13, GCNQSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai cấp ngày 11/8/2004 đứng tên bà Hoàng Thị Bích M và ông Khổng Văn K. Trị giá: 20.000.000đ;

+ Thửa đất 325 tờ bản đồ P1-01 GCNQSDĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 28/02/2022 đứng tên Khổng Văn K. Trị giá: 24.719.200đ.

+ 01 xe ô tô con nhãn hiệu KIA màu trắng, số loại CERATO, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 027731 đứng tên Khổng Văn K. Trị giá: 340.000.000đ.

+ Bộ bàn ghế hương Lào trị giá: 10.000.000đ.

Tổng trị giá tài sản anh K, chị M thống nhất xác định là tài sản chung trị giá 394.719.200đ.

Tài sản chị Hoàng Thị Bích M cho rằng là tài riêng của chị gồm:

+ Thửa đất lô số 112 đường Võ Thị Sáu, khu tái định cư tổ dân phố P 1, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai, GCNQSDĐ đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 07/9/2020 đứng tên Hoàng Thị Bích M diện tích 92m² đất ở đô thị và tài sản trên đất trị giá: 1.302.247.778đ.

Tài sản chị Hoàng Thị Bích M công nhận là tài sản chung nhưng không đồng ý chia là tiền bán thửa đất 327 số tiền 260.000.000đ vì lý do đã chi tiêu hết.

Tài sản chị Hoàng Thị Bích M đề nghị chia bao gồm:

+ Tiền bán lô đất tái định cư số 122 số tiền 809.000.000đ;

+ Tiền nợ ngân hàng 200.000.000đ

[2.2] Xét sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn anh Khổng Văn K và bị đơn chị Hoàng Thị Bích M thống nhất thỏa thuận như sau:

- Về việc phân chia tài sản: Anh K và chị M nhất trí như bản án sơ thẩm.

- Về nghĩa vụ thanh toán: Anh K và chị M thống nhất thỏa thuận: Chị Hoàng Thị Bích M có nghĩa vụ thanh toán cho anh Khổng Văn K số tiền chênh lệch tài sản là 350.000.000đ (*ba trăm năm mươi triệu đồng*). Cụ thể như sau:

* Anh Khổng Văn K được sở hữu và sử dụng các tài sản sau:

+ Thửa đất 325 tờ bản đồ P1-01 diện tích thực tế theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ là 370,4m² (100m² đất ở nông thôn và 270,4m² đất trồng cây lâu năm), địa chỉ tại Thôn T 1, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DD 088 525 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 28/02/2022 đứng tên Khổng Văn K. Trị giá: 24.719.200đ.

+ 01 xe ô tô con nhãn hiệu KIA màu trắng, số loại CERATO, số khung 41A6JC145921, số máy G4FG-JH715909, năm sản xuất 2018, thể tích động cơ

1591cm³, biển số đăng ký 24A-118.77. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 027731 đứng tên Khổng Văn K. Trị giá: 340.000.000đ.

+ Bộ bàn ghế hương Lào gồm 01 ghế dài kích thước 2,1m x 0,85m; 02 ghế đơn mỗi ghế kích thước 0,85m x 0,85m; 01 bàn uống nước kích thước 1,26m x 0,65m. Trị giá: 10.000.000đ.

+ Tiền mặt: 80.000.000đ

+ Tiền chênh lệch tài sản do chị Hoàng Thị Bích M thanh toán: 350.000.000đ.

Anh Khổng Văn K phải thanh toán cho anh Khổng Hoàng H số tiền 8.239.733đ.

Tổng giá trị tài sản anh K được hưởng là 796.479.467đ.

* Chị Hoàng Thị Bích M được sở hữu và sử dụng các tài sản sau:

+ Thửa đất Lô số 112 đường Võ Thị Sáu, khu tái định cư tổ dân phố P 1, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai, diện tích 92m² đất ở đô thị. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CX259288 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 07/9/2020 đứng tên Hoàng Thị Bích M. Tài sản trên đất: Tầng 1 nhà xây cấp IV kết cấu khung chịu lực bê tông cốt thép, tường xây gạch chỉ 110, nền lát gạch hoa 40x40, diện tích 95,2m²; bán mái bên phải nhà kết cấu khung cột thép vuông diện tích 19,4m²; Bán mái tôn thường vì kèo sắt (giáp hành lang đường Võ Thị Sáu) diện tích: 22,1m². Tổng trị giá: 1.302.247.778đ.

+ Thửa đất số 418 tờ bản đồ P3-13 diện tích thực tế theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ là 80,6m² đất trồng rừng sản xuất tại thôn G, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành Đ568507 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai cấp ngày 11/8/2004 đứng tên bà Hoàng Thị Bích M và ông Khổng Văn K. Trị giá: 20.000.000đ

+ Tiền mặt: 204.650.000đ.

Chị Hoàng Thị Bích M phải thanh toán cho anh Khổng Văn K số tiền chênh lệch tài sản là: 350.000.000đ.

Tổng giá trị tài sản chị M được hưởng là: 1.176.898.000đ.

Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận, cần sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B về phần nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch tài sản giữa chị Hoàng Thị Bích M và anh Khổng Văn K.

[4] Về án phí:

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của chị Hoàng Thị Bích M được chấp nhận nên người kháng cáo chị Hoàng Thị Bích M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm chị M đã nộp được khấu trừ vào tiền án phí Dân sự sơ thẩm chị Hoàng Thị Bích M phải nộp.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 148; Điều 300 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Hoàng Thị Bích M. Sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 42/2024/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai như sau:

Căn cứ Điều 29, 33, 37, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Khổng Văn K về chia tài sản chung sau khi ly hôn.

Chấp nhận một phần yêu cầu phân tố của chị Hoàng Thị Bích M về chia tài sản chung sau khi ly hôn.

1.1. Giao cho anh Khổng Văn K tiếp tục được sở hữu và sử dụng các tài sản sau:

+ Thừa đất 325 tờ bản đồ P1-01 diện tích thực tế theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ là 370,4m² (100m² đất ở nông thôn và 270,4m² đất trồng cây lâu năm), địa chỉ tại Thôn T 1, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DD 088 525 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 28/02/2022 đứng tên Khổng Văn K. Trị giá: 24.719.200đ.

+ 01 xe ô tô con nhãn hiệu KIA màu trắng, số loại CERATO, số khung 41A6JC145921, số máy G4FG-JH715909, năm sản xuất 2018, thể tích động cơ 1591cm³, biển số đăng ký 24A-118.77. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 027731 đứng tên Khổng Văn K. Trị giá: 340.000.000đ.

+ Bộ bàn ghế hương Lào gồm 01 ghế dài kích thước 2,1m x 0,85m; 02 ghế đơn mỗi ghế kích thước 0,85m x 0,85m; 01 bàn uống nước kích thước 1,26m x 0,65m. Trị giá: 10.000.000đ.

+ Tiền mặt: 80.000.000đ

+ Tiền chênh lệch tài sản do chị Hoàng Thị Bích M thanh toán: 350.000.000đ (*ba trăm năm mươi triệu đồng*).

Anh Khổng Văn K phải thanh toán cho anh Khổng Hoàng H số tiền 8.239.733đ.

Tổng giá trị tài sản anh K được hưởng là 796.479.467đ (*bảy trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi bảy đồng*).

1.2. Giao cho chị Hoàng Thị Bích M được sở hữu và sử dụng các tài sản sau:

+ Thừa đất Lô số 112 đường Võ Thị Sáu, khu tái định cư tổ dân phố P 1, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai, diện tích 92m² đất ở đô thị. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CX259288 do Sở Tài nguyên và Môi trường

tỉnh Lào Cai cấp ngày 07/9/2020 đứng tên Hoàng Thị Bích M. Tài sản trên đất: Tầng 1 nhà xây cấp IV kết cấu khung chịu lực bê tông cốt thép, tường xây gạch chỉ 110, nền lát gạch hoa 40x40, diện tích 95,2m²; bán mái bên phải nhà kết cấu khung cột thép vuông diện tích 19,4m²; Bán mái tôn thường vì kèo sắt (giáp hành lang đường Võ Thị Sáu) diện tích: 22,1m². Tổng trị giá: 1.302.247.778đ.

+ Thừa đất số 418 tờ bản đồ P3-13 diện tích thực tế theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ là 80,6m² đất trồng rừng sản xuất tại thôn G, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành Đ568507 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai cấp ngày 11/8/2004 đứng tên bà Hoàng Thị Bích M và ông Khổng Văn K. Trị giá: 20.000.000đ

+ Tiền mặt: 204.650.000đ.

Chị Hoàng Thị Bích M có nghĩa vụ thanh toán cho anh Khổng Văn K số tiền chênh lệch tài sản là 350.000.000đ (*ba trăm năm mươi triệu đồng*).

Tổng giá trị tài sản chị M được hưởng là 1.176.898.000đ (*một tỷ một trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm chín mươi tám nghìn đồng*).

1.3. Anh Khổng Hoàng H được hưởng tiền chênh lệch tài sản do anh Khổng Văn K thanh toán là 8.239.733đ (*tám triệu hai trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Hoàng Thị Bích M không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Khổng Văn K phải chịu 35.859.178đ tiền án phí chia tài sản chung, khấu trừ vào số tiền 32.625.000đ tạm ứng án phí anh K đã nộp theo biên lai số 0000778 ngày 21/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai. Anh K còn phải nộp 3.234.178đ (*ba triệu hai trăm ba mươi tư nghìn một trăm bảy mươi tám đồng*).

Chị Hoàng Thị Bích M phải chịu 47.307.000đ tiền án phí chia tài sản chung, khấu trừ vào số tiền 37.150.000đ tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai số 0000811 ngày 19/01/2024 và số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai số 0001039 ngày 11/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai. Chị M còn phải nộp 9.857.000đ (*chín triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng*).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

“*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,*

7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND huyện B;
- Chi cục huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Khánh Vân